

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : **110/2017/HSST**

Ngày: 06/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Bình Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Ông Vũ Trung Kiên

2/- Ông Nguyễn Minh Tuấn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Mỹ Kiều, cán bộ Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Xuân Cường, Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 125/2017/HSST ngày 05 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1/ **Nguyễn Trịnh Công H**, giới tính: Nam; sinh năm 1996 tại tỉnh Quảng Ngãi; đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở trước khi bị bắt tại phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn lớp 7/12; không nghề nghiệp; con ông Nguyễn Ngọc D và bà Trịnh Thị T; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 11/01/2017; có mặt tại phiên tòa.

2/ **Nguyễn Văn Tuấn E**, giới tính: Nam; sinh năm 1992 tại tỉnh Quảng Ngãi; đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở trước khi bị bắt tại phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn lớp 8/12; không nghề nghiệp; con ông Nguyễn Hồng T và bà Nguyễn Thị C; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 11/01/2017; có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Trịnh Thế B, sinh năm 1993; cư trú tại xã H, huyện N, tỉnh Bến Tre; chỗ ở tại phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lâm Thế D, sinh năm 1984; cư trú tại phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1994; cư trú tại phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1988; cư trú tại nhà phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay tại phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Các bị cáo Nguyễn Trịnh Công H và Nguyễn Văn Tuấn E bị Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào lúc 03 giờ 40 phút 09/01/2017, bà Huỳnh Thị Hiền T cùng ông Trịnh Thế B dùng xe mô tô hai bánh trước nhà số 73 Trần Mai N, phường H, quận Tân Bình, thì bất ngờ bị Nguyễn Trịnh Công H lái xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 52F5-9905 phía sau chở Nguyễn Văn Tuấn E áp sát vào phía bên trái ông B để Tuấn E dùng tay phải giật được chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 của ông B. Sau khi giật được chiếc điện thoại di động của ông B, Tuấn E nói với H “giật được rồi, Iphone 6”, H tăng ga bỏ chạy. Ông B sử dụng xe mô tô truy đuổi theo đến trước nhà số 92 Trường Chinh, Phường 12, quận Tân Bình thì đuổi kịp, đã dùng xe mô tô của mình ép vào xe của H và Tuấn E vào lề đường làm H và Tuấn E bị ngã xe, cả hai bỏ xe mô tô chạy bộ vào hẻm thoát. Vật chứng bị thu giữ là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 52F5-9905 là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Người bị hại ông Trịnh Thế B đến Công an phường H, quận T trình báo sự việc đã bị cướp giật 01 điện thoại di động hiệu iPhone 6, màu vàng, ông mua tháng 8/2015 giá trị 12.990.000 đồng.

Ngày 11/01/2017, các chiến sĩ cảnh sát hình sự Công an quận T bắt giữ được Nguyễn Trịnh Công H và Nguyễn Văn Tuấn E. Thu giữ trong người H số tiền 210.000 đồng là tiền H bán chiếc điện thoại của ông B còn lại.

Kết quả định giá tài sản số 71 ngày 07/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận T kết luận:

* Điện thoại di động hiệu iPhone 6 -16GB màu vàng. Hàng chính hãng, đã qua sử dụng, tình trạng máy hoạt động tốt. Đơn giá 7.500.000 đồng/cái. Tài sản trên được định giá vào thời điểm tháng 01/2017.

Kết quả điều tra xác định: Nguyễn Trịnh Công H và Nguyễn Văn Tuấn E do cần có tiền tiêu xài nên đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản là chiếc điện thoại di động hiệu iPhone 6 có giá trị 7.500.000 đồng của ông Trịnh Thế B. Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại, Tuấn E đưa điện thoại cho H mang đi bán, H đã nhờ Nguyễn Thành T chỉ chỗ bán. T cùng H đã đến bán chiếc điện thoại cho ông Nguyễn Hữu H1 là thợ sửa chữa điện thoại. Do điện thoại bị khóa màn hình không mở được nên ông H1 chỉ mua chiếc điện thoại trên với giá 1.000.000 đồng để tháo ra lấy linh kiện sửa chữa, bán cho khách. Sau khi ông H1 đưa cho H 1.000.000 đồng, H1 đã cho T 100.000 đồng. Trong quá trình nhờ bán điện thoại, H không nói cho ông T và ông H1 biết điện thoại trên do phạm tội mà có nên ông T và ông H1 không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Ngày 10/01/2017, ông H1 đã nộp lại chiếc điện thoại trên cho Cơ quan điều tra Công an quận Tân Bình và không yêu cầu H bồi thường gì về dân sự.

Kết quả xác minh chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 52F5-9905, có số máy 028069-S31, số khung 028069-Y là phương tiện dùng vào việc phạm tội, xác định chủ xe là ông Lâm Thế D. Ngày 07/01/2017, H mượn xe trên đi công việc sau đó dùng làm phương tiện để thực hiện tội phạm. Sau sự việc, H đã nói dối ông D là chiếc xe đã bị mất và H hứa sẽ bồi thường. Ông D yêu cầu H phải bồi thường giá trị chiếc xe trên là 3.500.000 đồng. H đồng ý và đưa cho ông D trước 600.000 đồng. Do ông D không có lỗi nên ngày 27/01/2017, Cơ quan điều tra Công an quận Tân Bình đã trả lại ông D chiếc xe trên. Ông D đã giao lại cho Cơ quan điều tra số tiền 600.000 đồng.

Ngày 24/01/2017, Cơ quan điều tra Công an quận Tân Bình đã trả lại ông Trịnh Quốc Bảo chiếc điện thoại di động iPhone 6 màu vàng, ông B không yêu cầu gì về dân sự.

Bản cáo trạng số 98/CTr-VKS ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố để xét xử Nguyễn Trịnh Công H và Nguyễn Văn Tuấn E về tội “Cướp giật tài sản” theo Điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Trịnh Công H và Nguyễn Văn Tuấn E thừa nhận hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các chứng cứ đã thu thập trong quá trình điều tra và phù hợp với bản cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố đối với các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình giữ quyền công tố và tranh luận: Các bị cáo Nguyễn Trịnh Công H và Nguyễn Văn Tuấn E đã sử dụng xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ làm phương tiện thực hiện tội phạm bằng cách công khai giăng, giật lấy tài sản là chiếc điện thoại di động có giá trị 7.500.000 đồng của ông Trịnh Thế B rồi nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội cướp giật tài sản. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội cướp giật tài sản. Quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản bị chiếm đoạt được thu hồi trả lại người bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 136; Điểm g, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trịnh Công H từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đến 04 (bốn) năm tù; bị cáo Nguyễn Văn Tuấn E từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đến 04 (bốn) năm tù và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội do mình gây ra và không tranh luận chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo.

XÉT THẤY

Các bị cáo Nguyễn Trịnh Công H và Nguyễn Văn Tuấn E sau khi nhìn thấy bà Huỳnh Thị Hiền T cùng ông Trịnh Thế B đang dừng xe mô tô hai bánh trước nhà số 73 Trần Mai N, phường H, quận Tân Bình, trên túi quần bên trái của ông B để lộ ra chiếc điện thoại di động hiệu iPhone 6 màu vàng. H đã rủ Tuấn E cướp giật chiếc điện thoại của ông B để bán kiếm tiền tiêu xài, Tuấn E đồng ý. H lái xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 52F5-9905 chở Tuấn E quay lại chạy áp sát phía bên trái ông B để Tuấn E dùng tay phải giật được chiếc điện thoại di động hiệu iPhone 6 của ông B. Các bị cáo Nguyễn Trịnh Công H và Nguyễn Văn Tuấn E đã có hành vi công khai giảng, giật lấy tài sản là chiếc điện thoại di động có giá trị 7.500.000 đồng của ông Trịnh Thế B rồi nhanh chóng tẩu thoát. Do đó, các bị cáo đã phạm tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 136 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo sử dụng mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ làm phương tiện để thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác là phạm tội thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm.

Tội phạm do các bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, cũng như tính mạng, sức khỏe của công dân mà còn gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội.

Đây là vụ án có đồng phạm, có sự thống nhất ý chí trước khi thực hiện hành vi phạm tội nhưng ở mức độ đồng phạm giản đơn. Trong đó bị cáo Nguyễn Trịnh Công H thực hiện tội phạm với vai trò là người rủ rê và là người điều khiển phương tiện, tạo điều cho bị cáo Nguyễn Văn Tuấn E thực hiện tội phạm.

Bị cáo Nguyễn Văn Tuấn E thực hiện tội phạm với vai trò là người thực hành. Do đó, tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện là ngang nhau.

Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Nguyễn Trịnh Công H và Nguyễn Văn Tuấn E phạm tội “Cướp giật tài sản” theo Điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Bị cáo H cướp giật tài sản là chiếc điện thoại iPhone 6, đã bán và được hưởng lợi số tiền 1.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, khi phạm tội nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, đã tỏ ra ân hận với lỗi lầm, tài sản bị chiếm đoạt được thu hồi trả lại người bị hại là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các Điểm g, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Vật chứng vụ án là số tiền 810.000 đồng là tiền do bị cáo H phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử thấy cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự. Số tiền này được trừ vào số tiền 1.000.000 đồng bị cáo do phạm tội mà có: 1.000.000 đồng – 810.000 đồng = 190.000 đồng. Bị cáo còn phải nộp tiếp 190.000 đồng;

Tài sản của bị cáo H là 01 đồng hồ bị vỡ mặt kính và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xám; của bị cáo Tuấn E 01 điện thoại di động hiệu Nokia 108 màu đen, quá trình điều tra không chứng minh được có liên quan đến tội phạm nên Hội đồng xét xử thấy cần trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu LG PERFECT, màu xanh thu giữ của ông Nguyễn Thành T, không phải là vật chứng của vụ án nên Hội đồng xét xử thấy cần giao lại cho Công an quận Tân Bình giải quyết theo thẩm quyền.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Trịnh Thế B đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trịnh Công H và Nguyễn Văn Tuấn E phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 136; các Điểm g, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Điều 20 và Điều 53 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trịnh Công H 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2017.

Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 136; các Điểm g, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Điều 20 và Điều 53 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tuấn E 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2017.

Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo H phải nộp số tiền 1.000.000 đồng do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước. Bị cáo đã bị tịch thu trước số tiền 810.000 đồng, còn phải nộp tiếp 190.000 (một trăm chín mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại di động Nokia màu xám, số imei 356676/05/818029/7 và 01 đồng hồ bằng kim loại màu xám, mặt đồng hồ bị vỡ, quai đồng hồ bị đứt, phía sau mặt đồng hồ có chữ 24J620; Trả lại cho bị cáo Tuấn E 01 điện thoại di động Nokia 108 màu đen số imei 3551490794631768 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án,

- Giao lại cho Cơ quan điều tra Công an quận Tân Bình 01 điện thoại di động hiệu LG PERFECT màu xanh, model F11, số imei 355641063316881 để giải quyết theo thẩm quyền.

(Vật chứng và tài sản trên theo lệnh nhập kho vật chứng số 127 ngày 27/4/2017 và phiếu nhập kho vật chứng số 118 ngày 05/5/2015 của Công an quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh).

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc Nguyễn Trinh Công H và Nguyễn Văn Tuấn E mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm .

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Công an Q. Tân Bình;
- VKSND Q. Tân Bình;
- Chi cục THADS Q. Tân Bình;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát CATP. HCM;
- Sở tư pháp Tp.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Bình Minh